

Số: /BC-STP

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự thảo Nghị quyết quy định về phí khai thác và sử dụng
tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 4139/STNMT-KHTC ngày 29/5/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo Nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu nội dung các dự thảo và văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

Hồ sơ đề nghị thẩm định được cơ quan soạn thảo gửi đến gồm:

1. Dự thảo Tờ trình; dự thảo Nghị quyết;
2. Báo cáo số 278/BC-STNMT ngày 22/5/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan về dự thảo Nghị quyết; bản sao văn bản góp ý về dự thảo Nghị quyết của các cơ quan, đơn vị, danh sách các tổ chức và cá nhân được lấy phiếu ý kiến về mức phí.
3. Văn bản số 2743/STC-QLNS ngày 29/5/2020 của Sở Tài chính về thẩm định hồ sơ ban hành Nghị quyết quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, căn cứ Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ gửi đề nghị thẩm định đầy đủ theo quy định pháp luật.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết cụ thể, phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn địa phương.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Thực hiện Luật phí và lệ phí, căn cứ khoản 16 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định về danh mục phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, trong đó có phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện văn bản số 221/HĐND-VP ngày 08/5/2020 của Thường trực HĐND tỉnh về thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết nêu trên là phù hợp và thống nhất với hệ thống pháp luật.

3. Về dự thảo Nghị quyết

a) Tại phần căn cứ ban hành

Tại căn cứ thứ 09, đề nghị trình bày chính xác số ký hiệu Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau: “*Thông tư số 85/2019/TT-BTC*”.

Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các căn cứ tại dự thảo Đề án và dự thảo Tờ trình để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

b) Tại Điều 1

- Tại tiêu đề, đề phù hợp hơn đề nghị sửa như sau:

“**Điều 1.** Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với một số nội dung sau:”

- Tại điểm a khoản 1, theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC quy định “*Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là khoản thu đối với người có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai (như: cơ quan địa chính, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, quận, huyện) nhằm bù đắp chi phí quản lý, phục vụ việc khai thác và sử dụng tài liệu đất đai và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai bao gồm cả bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính.*” theo đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định phù hợp hơn. Đồng thời, quy định phạm vi phải rõ ràng, cụ thể không trình bày dấu ba chấm (...) tránh việc áp dụng quy định tùy nghi.

- Tại điểm d khoản 2: Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định phù hợp hơn, vì theo Phụ lục và Danh sách các xã thuộc ba khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020, hiện tại Đồng Nai không có xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Tại tiêu đề khoản 5, để thống nhất với đề án phí đề nghị sửa tiêu đề như sau: “**5. Mức trích phí**”. Đồng thời, mức trích tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng là 02 mức trích khác nhau:

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Trung tâm công nghệ thông tin được trích để lại 70% trên tổng số phí thu được, còn UBND cấp xã không trích để lại mà nộp 100% phí thu được vào ngân sách (*trước đây Nghị quyết 65/2017/NQ-HĐND đơn*

vị thu phí không có UBND cấp xã), nội dung này cơ quan soạn thảo cũng chưa trình bày cụ thể tại Đề án. Do đó, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường bổ sung nội dung tại khoản 9 Mục III của Đề án để làm rõ hơn việc không thực hiện trích phí để lại cho UBND cấp xã.

- Không trình bày in đậm tiêu đề các khoản 2, 3, 4, 5.

c) Tại Điều 3

- Căn cứ Điều 72 và Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị sửa tiêu đề như sau: **“Hiệu lực thi hành”**.

- Tại khoản 1, đề nghị bỏ vì thừa, tại đoạn cuối dự thảo Nghị quyết (sau khoản 2) đã trình bày nội dung về hiệu lực của Nghị quyết theo mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Tại khoản 2, đề nghị bổ sung cụm từ “của Hội đồng nhân dân tỉnh” sau cụm từ ngày 07 tháng 7 năm 2017”.

- Tại đoạn “Nghị quyết này...2020” đề nghị trình bày có khoảng cách đoạn “thông qua ngày tháng năm 2020” thành “thông qua ngày....tháng....năm 2020”.

d) Đối với Biểu mức phí

- Tại phần in nghiêng dưới tên phí, để phù hợp hơn đề nghị bỏ cụm từ “Ban hành”.

- Đánh số trang phụ lục theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Tại mục III Biểu thu phí, vì chỉ có 01 nội dung thu, do đó đề nghị không trình bày số thứ tự (*tránh nhầm lẫn sẽ có các khoản thu thứ 2, 3...*). Đồng thời, rà soát mức thu phí thì mức thu cung cấp trực tiếp và mức thu cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử là bằng nhau. Nhưng mức thu tại mục III đối với tài liệu là cơ sở dữ liệu quản lý đất đai cho 10 thửa thì chênh lệch 5.000 đồng. Nội dung này đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ hơn tại Đề án thu phí, cân nhắc mức thu bằng nhau để khuyến khích tổ chức, cá nhân áp dụng công nghệ thông tin, dịch vụ bưu điện đối với yêu cầu cung cấp thông tin của mình.

- Rà soát mức phí sở Tư pháp nhận thấy mức phí tăng từ 7.000 đồng đến 41.000 nghìn đồng so với Nghị quyết 65/2017/NQ-HĐND (trong 3 năm).

Để đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng và nhà nước thực hiện hỗ trợ/giảm phí, lệ phí cho cá nhân, tổ chức trên một số lĩnh vực nhằm chia sẻ khó khăn trong thời gian dịch bệnh Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh Đại dịch Covid-19. Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc việc quy định giảm mức thu (tính theo %) tại Nghị quyết từ ngày Nghị quyết có

hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020. Trường hợp thống nhất trình HĐND tỉnh quyết định, đề nghị trình bày thành 1 khoản tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:

“Từ ngày tháng năm 2020 đến hết ngày..... tháng..... năm 2020, nộp phí bằng mức phí quy định tại Biểu mức phí kèm theo Nghị quyết này”.

4. Về dự thảo Đề án

a) Tại khoản 2 mục II đoạn “Từ những cơ sở trên...là cần thiết”, để đầy đủ hơn đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung việc thực hiện khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, đề nghị rà soát sửa tương tự đối với nội dung tại mục A dự thảo Tờ trình.

b) Tại mục III về nội dung Đề án phí: Đối với phạm vi điều chỉnh, đối tượng miễn nộp phí đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát điều chỉnh thống nhất với nội dung tại dự thảo Nghị quyết theo thẩm định của Sở Tư pháp tại khoản 3 mục này.

c) Tại điểm b khoản 6 mục III, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày cụ thể hơn phương thức cung cấp qua đường bưu điện và qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử: cách thức thu phí...

d) Tại điểm b khoản 9 mục III, đề nghị bổ sung nội dung theo ý kiến của Sở Tư pháp tại gạch ngang thứ 4 điểm b khoản 3 mục này.

- Tại điểm a khoản 11 mục III, nội dung trình bày tổ chức thu phí nộp 100% số tiền thu phí vào ngân sách nhà nước tỉnh. Tuy nhiên, theo quy định tại dự thảo Nghị quyết và nội dung tại khoản 9 mục III dự thảo Đề án, đối với Văn phòng Đăng ký đất đai và Trung tâm công nghệ thông tin được trích 70% cho đơn vị thu phí. Riêng UBND cấp xã mới nộp ngân sách 100% tiền phí thu được vào ngân sách. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày phù hợp hơn.

5. Về dự thảo Tờ trình

a) Để phù hợp hơn đề nghị trình bày thống nhất theo hướng dẫn tại mẫu số 3 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị lưu ý một số nội dung như sau:

- Bổ cục các mục thành: I, II, III.. thay có các mục A, B...

- Tại tên Tờ trình, đề nghị sửa cụm từ “**về việc**” thành “**Dự thảo Nghị quyết**”.

- Đề nghị không in đậm các điểm của khoản 4 mục D, đồng thời sửa điểm “f” thành điểm “g”.

- Tại đoạn cuối Tờ trình “Ủy ban nhân dân tỉnh...thông qua./.” để phù hợp hơn đề nghị sửa như sau: “Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.”.

b)) Tại mục C, đề nghị rà soát điều chỉnh chính xác một số nội dung sau:

- Văn bản chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Thường trực HĐND số 221/HĐND-VP là ngày 08/5/2020, không phải ngày 07/5/2020 và ngày 08/11/2020”.

- Bổ sung cụ thể số ký hiệu Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

c) Tại mục D về đối tượng miễn nộp phí: Căn cứ khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí, Điều 6 Thông tư số 85/2019/TT-BTC, HĐND tỉnh quy định đối tượng miễn nộp phí tại Nghị quyết là phù hợp. Tuy nhiên, đề nghị bỏ nội dung giải thích in nghiêng tại ngoặc đơn có viện dẫn Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT vì Thông tư này đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 18/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

c) Căn cứ khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Đề nghị bổ sung phần hồ sơ đính kèm theo Tờ trình để trình HĐND tỉnh như sau:

“Xin đính kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị quyết; Đề án phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(2) Báo cáo Thẩm định số..../BC-STP của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình ý kiến thẩm định.

(3) Báo cáo tiếp thu, giải trình, tổng hợp ý kiến góp về dự thảo Nghị quyết; Bản sao văn bản góp ý của các đơn vị về dự thảo Nghị quyết.

(4) Tài liệu khác (nếu có)...

III. KẾT LUẬN

Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung, Sở Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

1. Dự thảo Nghị quyết quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp nêu trên. Đối với các ý kiến không tiếp thu phải được giải trình rõ lý do.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Kinh tế ngân sách – HĐND tỉnh;
 - Văn phòng UBND tỉnh;
 - Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
 - TTTĐT Sở;
 - Lưu: VT, XDPBPL.
- (Binh – TB)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Quang Tuấn

